

BÀI 5

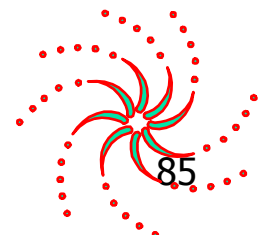
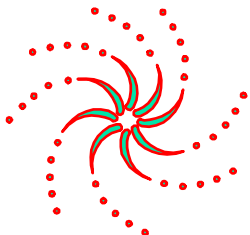


KẾ TOÁN THÀNH PHẨM – HÀNG HÓA VÀ TIÊU THỤ THÀNH PHẨM – HÀNG HÓA

Môn: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH B

Giảng viên:

THS. LÊ THỊ MỸ HẠNH





TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Chương kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, Kế toán tài chính, PGS.TS Võ Văn Nhị, NXB lao động 2009**
2. **Chương kế toán hàng hóa trong DNTM, Kế toán tài chính, PGS.TS Võ Văn Nhị, NXB lao động 2009**
3. **Bài tập chương KT thành phẩm – hàng hóa**

KẾ TOÁN THÀNH PHẨM, HÀNG HÓA, TIÊU THỤ & XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ TIÊU THỤ

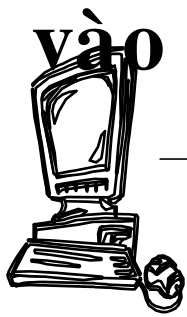
1. Nhắc lại DNSX và DNTM

**DN Thương
Mại**

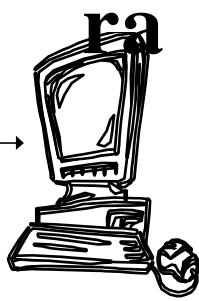


DN sản xuất

Mua



Bán

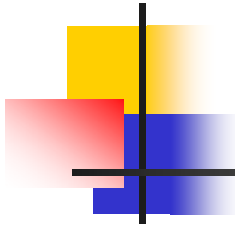


**Yếu tố
đầu vào**

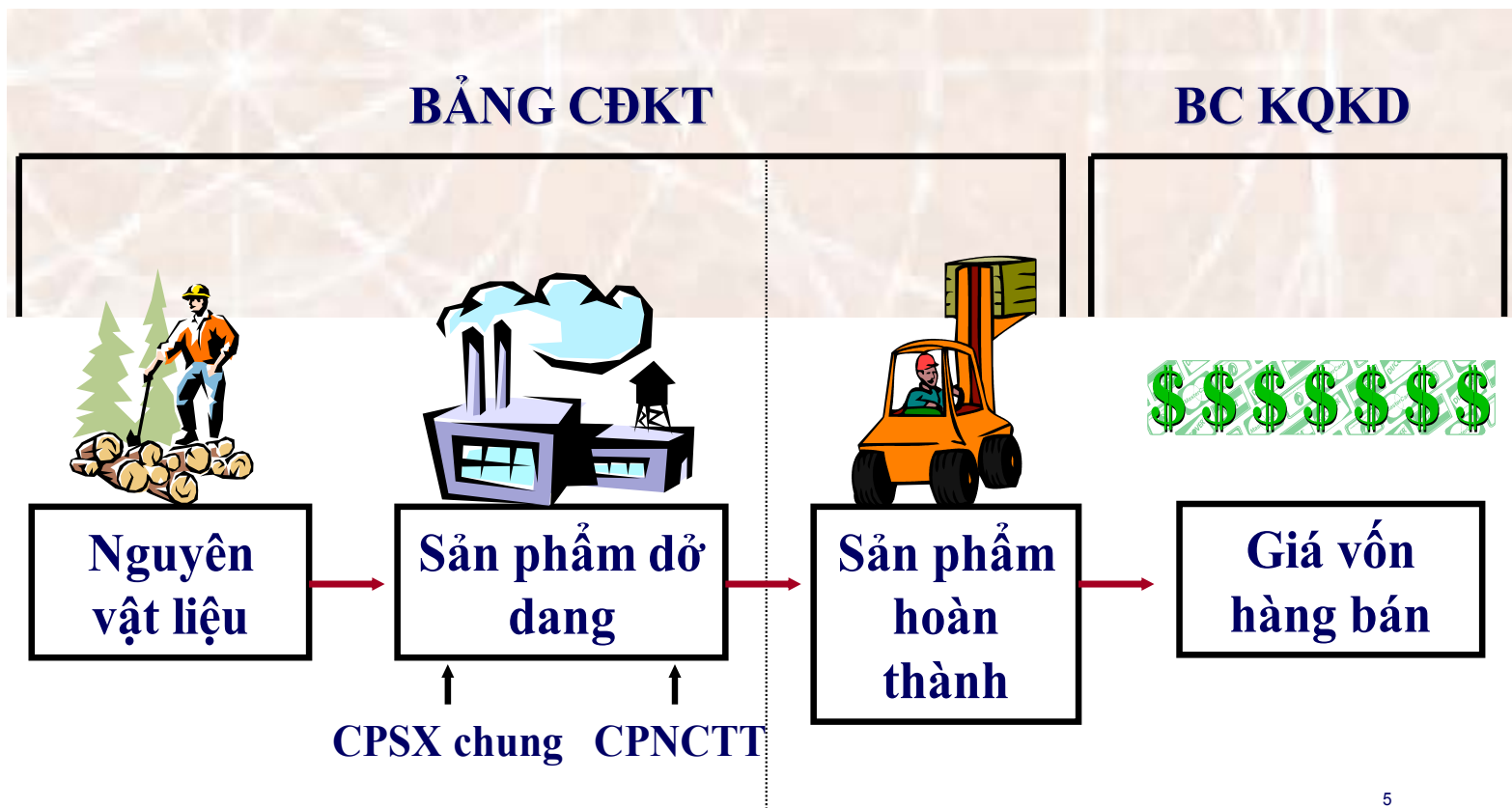


**Thành
phẩm**





DÒNG LUÂN CHUYỂN CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DNSX



5

1. KẾ TOÁN THÀNH PHẨM - HÀNG HÓA

1.1 Khái niệm

(1) Thành phẩm:

- sản phẩm hoàn thành từ quá trình sản xuất.

(2) Hàng hóa:

- Sản phẩm được mua về (hoặc hình thành từ các nguồn khác) nhằm mục đích để bán



1.2 Tính giá

a) Giá nhập kho

(1) Thành phẩm

- Thành phẩm do đơn vị sản xuất
 - Giá thành sản xuất
- Thành phẩm thuê ngoài gia công: gồm:
 - chi phí vật liệu trực tiếp
 - chi phí thuê ngoài gia công
 - chi phí vận chuyển khi giao và nhận

a) Giá nhập kho

(2) Hàng hóa

- **Giá mua:**

Giá nhập kho	=	giá mua thực tế (ghi trên hóa đơn)	+	Thuế nhập khẩu (nếu có)
---------------------	---	---	---	------------------------------------

- **Chi phí thu mua:** chi phí phát sinh trong quá trình mua hàng hóa

Ví dụ: vận chuyển, bốc dỡ, hoa hồng mua hàng



Giá nhập kho *hàng hóa*

Lưu ý:

- **Giá nhập kho hàng hóa bao gồm Giá mua và chi phí mua. Hai khoản này được theo dõi riêng.**
- **Chi phí phát sinh mua hàng được theo dõi riêng, cuối tháng phân bổ cho hàng bán ra để xác định giá vốn hàng bán**

b) Giá xuất kho

Căn cứ vào giá mua sử dụng các phương pháp sau để tính giá xuất kho:

- Phương pháp nhập trước xuất trước
- Phương pháp nhập sau xuất trước
- Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền

b) Giá xuất kho

■ Phương pháp bình quân gia quyền

$$\text{Đơn giá bình quân sản phẩm xuất kho} = \frac{\text{Trị giá sản phẩm tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá sản phẩm nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Trị giá sản phẩm xuất kho} = \text{Đơn giá bình quân SP xuất kho} * \text{Số lượng SP xuất kho}$$



VÍ DỤ MINH HỌA CÁC PP TÍNH GIÁ THÀNH PHẨM

Công ty A trong năm X có tài liệu sau:

	<u>SL</u>		<u>ΣGT</u>
	<u>TP</u>	Zđv	
Ngày 25/1	200	10	2.000
Ngày 25/3	300	12	3.600
Ngày 25/4	500	11	5.500
Ngày 25/6	<u>100</u>	<u>13</u>	<u>1.300</u>
	1.100		12.400

Trong năm bán 700 sản phẩm

Yêu cầu: Tính trị giá sản phẩm xuất kho

PHƯƠNG PHÁP BÌNH QUÂN

$$\begin{aligned} \text{Đơn vị sp} &= \frac{\sum \text{Zspht trong kỳ}}{\text{SLTP trong kỳ}} \\ &= \frac{12.400}{1.100} = 11,27 \text{ đ/sp} \end{aligned}$$

$$\text{TG TP tồn kho} = 400\text{sp} \times 11,27 = 4.510$$

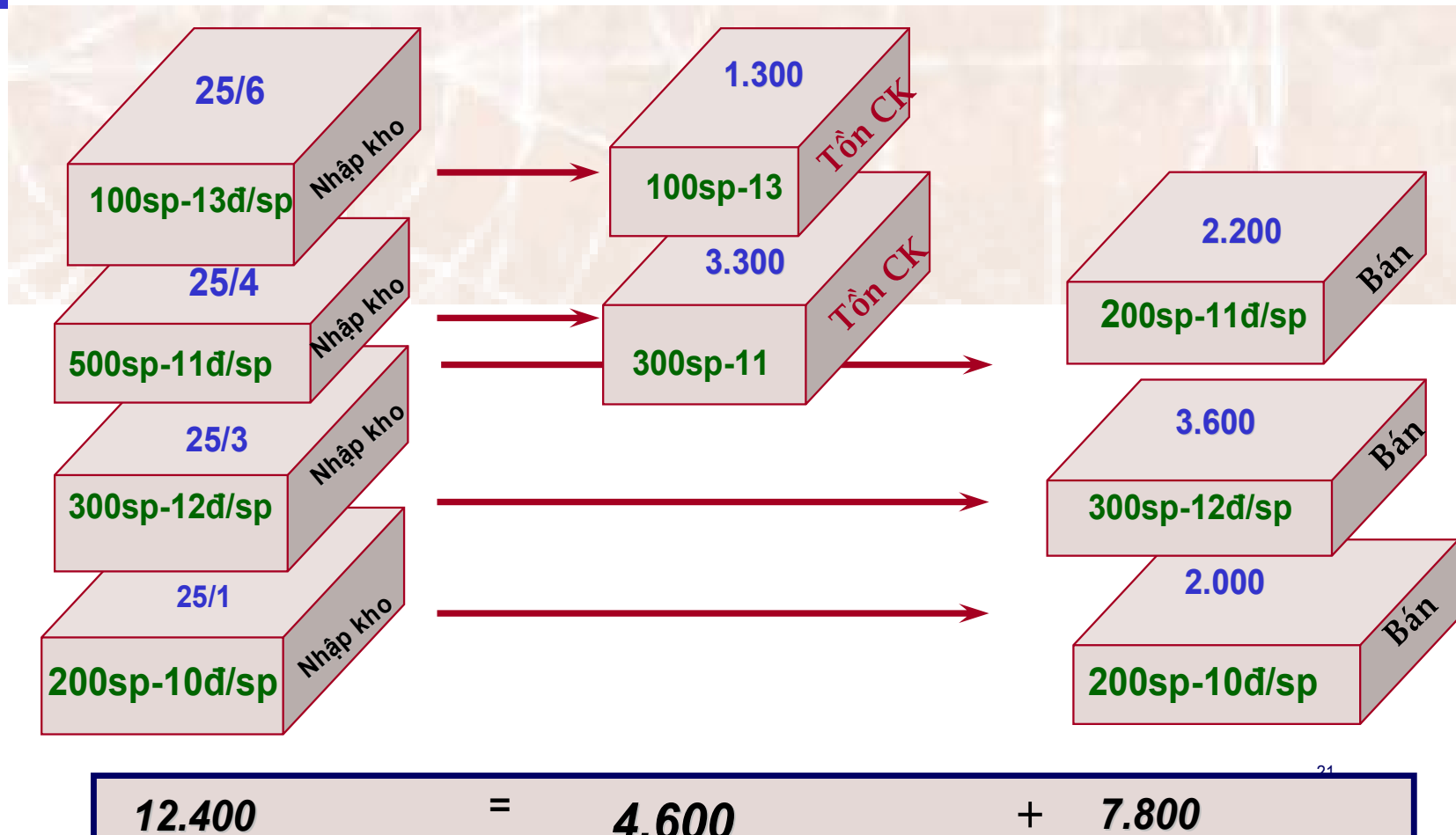
$$\text{TG TP xuất kho} = 700\text{sp} \times 11,27 = \underline{7.890}$$

$$\text{TG TP trong kho} = 12.400$$

20

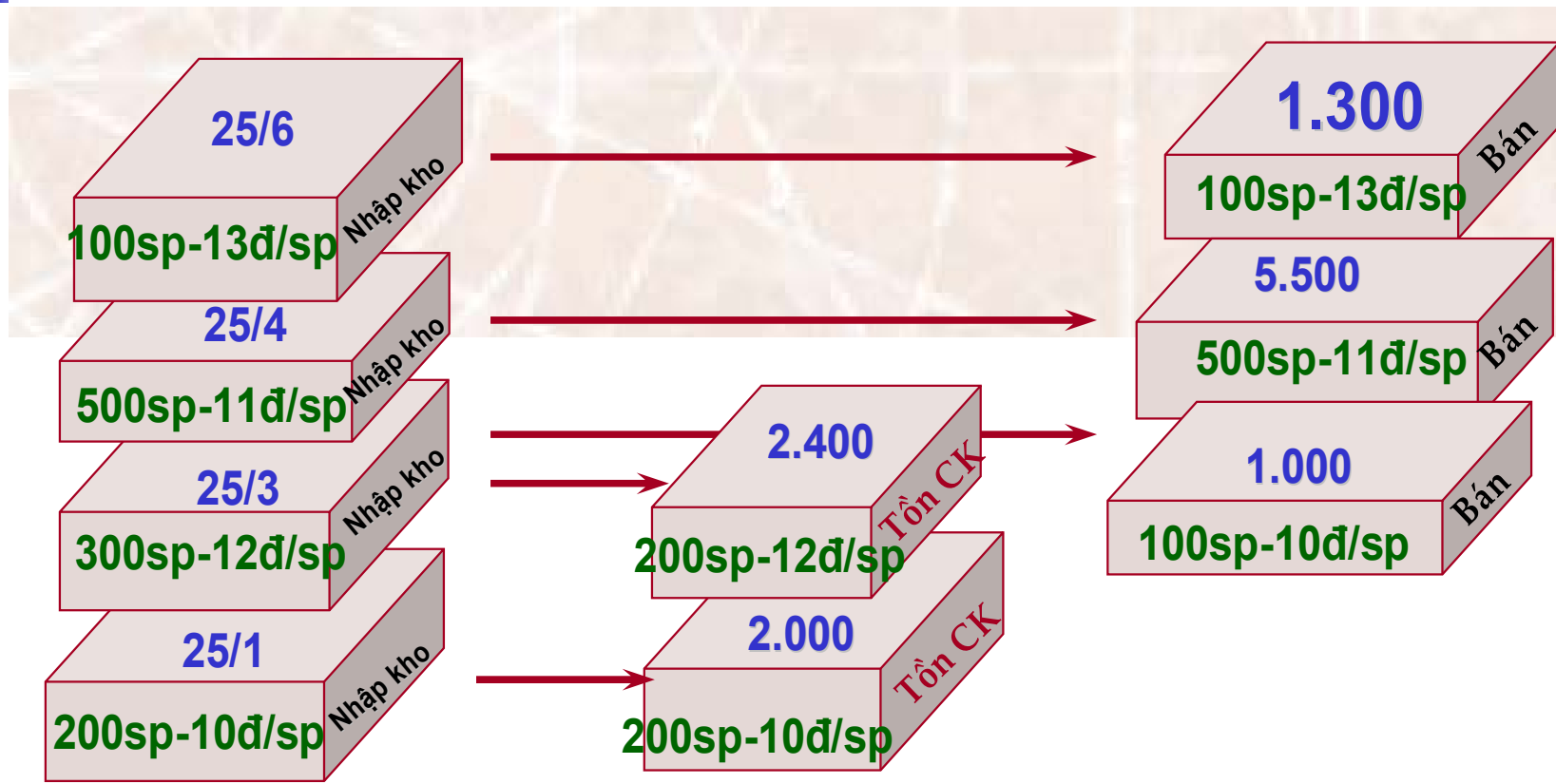
FIFO

$$\frac{\text{SLTP nhập kho TK}}{1,100 \text{ sp}} = \frac{\text{SLTP tồn kho CK}}{400 \text{ sp}} + \frac{\text{SLTP xuất bán}}{700 \text{ sp}}$$

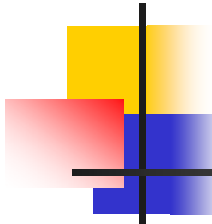


LIFO

$$\frac{SLTP \text{ nhập kho TK}}{1.100 \text{ sp}} = \frac{SLTP \text{ tồn kho CK}}{400 \text{ sp}} + \frac{SLTP \text{ xuất bán}}{700 \text{ sp}}$$



$$12.400 = 4.400 + 8.000$$



SO SÁNH CÁC PHƯƠNG PHÁP

SLTP Nhập kho
1.100 sp

TP tồn kho CK
400 sp

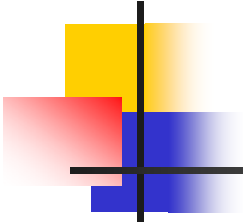
TP bán TK
700 sp

F I F O	12.400	=	4.600	+	7.800
----------------	--------	---	-------	---	-------

L I F O	12.400	=	4.400	+	8.000
----------------	--------	---	-------	---	-------

BÌNH QUÂN	12.400	=	4.510	+	7.890
------------------	--------	---	-------	---	-------

SO SÁNH CÁC PHƯƠNG PHÁP



FIFO

- Thời kỳ giá tăng sẽ cho GVHB thấp hơn LIFO (?)

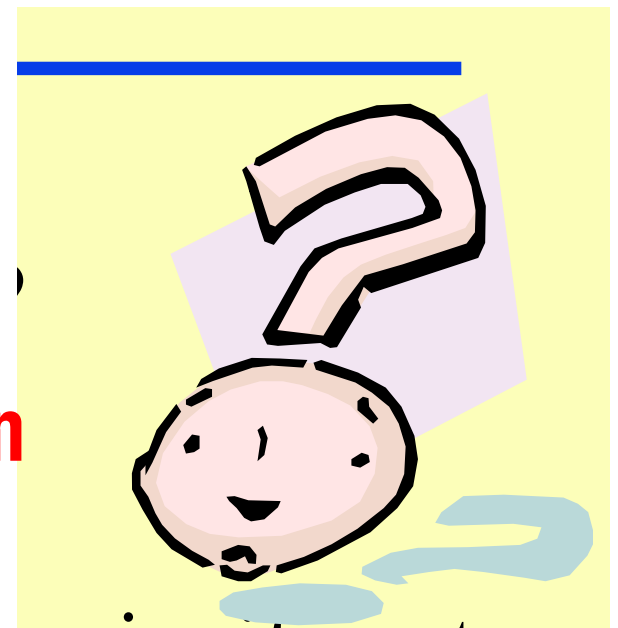
LIFO:

- Thời kỳ giá tăng có lợi khi đóng thuế TNDN (?)

CÂU HỎI ĐẶT RA???

**LIFO đem lại lợi ích cho DN
trong việc nộp thuế thu nhập
(khi giá cả tăng)**

**Vậy tại sao Một số công ty vẫn
sử dụng FIFO để tính giá???**



Lưu ý khi tính giá xuất kho **hàng hóa**

$$\text{Giá vốn hàng bán} = \text{Giá xuất kho SP bán ra} + \text{Cp mua hàng phân bổ cho hàng đã bán}$$

$$\text{CP mua hàng phân bổ cho hàng bán ra trong kỳ} = \frac{\text{CP mua hàng Đầu} + \text{Cp mua hàng Trong}}{\text{Trị giá hàng Đầu Kỳ} + \text{Trị giá hàng mua Trong Kỳ}} * \text{Trị Giá hàng bán ra trong kỳ}$$

- **Hàng mua Trong Kỳ gồm:** hàng mua đã nhập kho (1561) và hàng đã mua đang đi đường (151)

Ví dụ 2: Công ty A kinh doanh thương mại, trong tháng 3/X có tài liệu sau:

- **Số dư đầu tháng: Hàng A: 1.000.000đ (số lượng 1.000m)**
- **Tình hình nhập xuất hàng A trong tháng**
 1. Ngày 5/3: xuất kho 500m để bán
 2. Ngày 8/3: nhập kho 2000m, giá mua 1020đ/m, thuế VAT là 10%
- **Chi phí vận chuyển bốc dỡ hàng 50.000đ**
 3. Ngày 10/3 nhập kho 1.000m, giá mua 1.050đ/m, thuế VAT là 10%, chi phí vận chuyển bốc dỡ 30.000đ.
 4. Ngày 15/3 xuất kho 2.000m để bán.

Ví dụ 2: Công ty A kinh doanh thương mại, trong tháng 3/X có tài liệu sau:

■ Yêu cầu:

1. Xác định trị giá xuất kho của hàng bán trong tháng theo các phương pháp: Nhập trước xuất trước (FIFO), Nhập sau xuất trước (LIFO), Bình quân gia quyền (cố định và liên hoàn).
2. Phân bổ chi phí mua hàng cho hàng đã bán theo số lượng và giá trị. Tính giá vốn hàng bán trong kỳ (Sử dụng pp FIFO)

Ví dụ 3:

Công ty XYZ hoạt động thương mại có tình hình về chi phí mua hàng phát sinh vào tháng 4/X như sau:

- 1. Chi phí mua hàng hoá đầu tháng 4: 700.000đ**
- 2. Chi phí mua hàng phát sinh trong tháng 4 như sau:**
- 3. Lương phải thanh toán cho nhân viên thu mua 1.000.000đ**
- 4. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo quy định**
- 5. Khấu hao TSCĐ 500.000**
- 6. Nhiên liệu xuất dùng 300.000**
- 7. Khoản chi khác trả bằng tiền mặt 800.000**
- 8. Cuối tháng kế toán phân bổ chi phí mua hàng cho hàng bán ra trong tháng. Cho biết trị giá hàng bán ra trong tháng 40.000.000, trị giá hàng còn cuối tháng 10.000.000**

Yêu cầu:

- 1. Tính toán, định khoản và ghi vào tài khoản**
- 2. Xác định giá vốn hàng đã bán ra trong tháng**

1.3. Phương pháp kê khai thành phẩm, hàng hoá

1.3.1. Phương pháp kê khai thường xuyên

Trị giá SP tồn CK	=	Trị giá SP tồn ĐK	+	Trị giá SP nhập TK	-	Trị giá SP xuất TK
------------------------------	---	------------------------------	---	-------------------------------	---	-------------------------------

1.3.2 Phương pháp kiểm kê định kỳ

Trị giá SP xuất kho	=	Trị giá SP tồn ĐK	+	Trị giá SP nhập trong kỳ	-	Trị giá SP tồn cuối kỳ
--------------------------------	---	------------------------------	---	-------------------------------------	---	-----------------------------------



Lựa chọn phương pháp

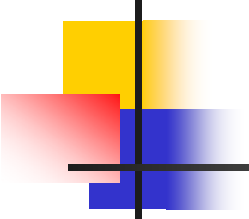
3.1. Phương pháp kê khai thường xuyên

- Cung cấp thông tin kịp thời về GVHB
- Kiểm soát chặt chẽ hơn hàng hóa trong kho

3.2 Phương pháp kiểm kê định kỳ

- Tốn ít chi phí hơn (Vì không phải ghi chép nhiều)
- Không cung cấp kịp thời thông tin về GVHB khi cần

1.4 Nội dung kế toán thành phẩm – hàng hóa

- 
- a) Tài khoản sử dụng: 155, 157, 154, ...
 - TK 155 “Thành phẩm”
 - TK 156 “Hàng hóa”, trong đó:
 - 1561 “Giá mua hàng hóa”
 - 1562 “Chi phí mua hàng”
 - TK 157 “Hàng gửi đi bán”



B) NGUYÊN TẮC GHI CHẾP

155 “Thành phẩm”, 156 “Hàng hóa”

SDĐK: TP-HH đầu kỳ

- **Trị giá hàng hóa-hành phẩm nhập kho**

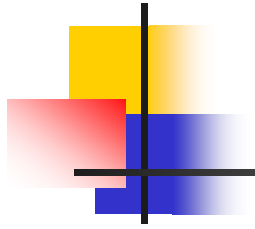
Dư nợ: Trị giá thành phẩm, hàng hóa tồn cuối kỳ

- **Trị giá hàng hóa-thành phẩm xuất kho**

c) Chứng từ sử dụng

- **Phiếu nhập kho (01.VT)**
- **Phiếu xuất kho (02.VT)**
- **Thẻ kho**
- **Biên bản kiểm nghiệm**
- **Biên bản kiểm kê vật tư sản phẩm hàng hoá**
- **Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ**
- ***(Mẫu biểu đính kèm)***

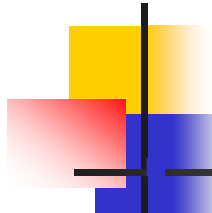
CÔNG TY TNHH NAM Á		Mẫu số 2 -VT			
		Số :			
PHIẾU NHẬP KHO					
Ngày th áng năm					
Nhận của :		Mã số :			
Địa chỉ :		Mã số thuế :		-1	
0156789KT (Hóa đơn , Phiếu xuất) số		ngày /...../.....			
Biên bản kiểm nghiệm số		ngày/...../.....			
Nhập tại kho :					
Mã VTHH	Tên nhãn hiệu qui cách vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Cộng					
Cộng thành tiền (viết bằng chữ) :					
THỦ KHO	PT.VẬT TƯ	KẾ TOÁN TRƯỞNG		GIÁM ĐỐC	



CÔNG TY TNHH NAM Á		Mẫu số 3 - VT			
		Số :			
PHIẾU XUẤT KHO					
Ngày tháng năm					
Xuất cho :		Mã số :			
Bộ phận sử dụng :					
Mục đích sử dụng :					
Theo LXX(Dự trù , KHSX ,Giấy đề nghị) số ngày/...../.....					
Xuất tại kho :					
Mã VTHH	Tên nhãn hiệu qui cách vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Cộng				
	Cộng thành tiền (viết bằng chữ) :				
THỦ KHO		PT.VẬT TƯ		KẾ TOÁN TRƯỞNG	
				GIÁM ĐỐC	

THẺ KHO

Ngày lập thẻ...
Tờ số ...



Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư:.....

- Đơn vị tính:
- Mã số:.....

STT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận của KT
	Số hiệu	Ngày tháng			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Thủ kho			Kế toán			Thủ trưởng đơn vị		

Đơn vị: Công ty TNHH Lang Thang

Địa chỉ:.....

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

(Vật tư, sản phẩm, hàng hoá)

■ Căn cứ CV số 01/04LT ngày 11/10/2004 Ngày 13 Tháng 10 Năm 2004, Sô 11

■ ~~Của: Ban giám đốc~~

■ Ban kiểm nghiệm gồm

■ Ông: *Lê Uy Tín*

Trưởng ban

■ Bà: *Nguyễn Thị Nhẹ Dạ*

Ủy Viên

■ Ông: *Đỗ Văn Vui Tính*

Ủy Viên

Đã kiểm nghiệm các loại

S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách sp	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	SL theo chứng từ	Kq kiểm nghiệm		Ghi chu '
						SL đúng quy cách	SL ko đúng quy cách	
A	B	C	D	E	1	2	3	F

Ý kiến của ban kiểm nghiệm:.....114



c) Trình tự hạch toán

Xem thêm tài liệu

1a) Thành phẩm:

- Cuối tháng khi tính được giá thực tế TP nhập kho, kế toán ghi sổ:

Nợ Tk 155 – Thành phẩm

Có Tk 154 – Chi phí SXKD dở dang

1b) Hàng hóa

- **Khi mua hàng:**
 - **Nợ TK 1561 (giá mua hàng hoá)**
 - **Nợ TK 133 (Thuế VAT được khấu trừ)**
 - **Có TK 111, 112, 141, 331 (Tổng tiền thanh toán)**

- **Các khoản chi phí phát sinh trong quá trình mua hàng sẽ ghi:**
 - **Nợ TK 1562 (chi phí mua hàng)**
 - **Nợ 133 (Thuế VAT được khấu trừ)**
 - **Có TK 111, 112, 331,... (Tổng tiền thanh toán)**

c) Trình tự hạch toán (tt)

(2) Khi xuất kho thành phẩm hoặc hàng hóa:

- **Nếu xuất gửi đi bán:**

Nợ 157 “Hàng gửi đi bán”

Có 155, 156 “Trị giá thành phẩm - hàng hóa xuất ”

- **Nếu xuất bán:**

Nợ 632 “Giá vốn hàng bán”

Có 155, 156 “Trị giá thành phẩm - hàng hóa xuất ”

d) Ví dụ

Cty Thăng Long SX hàng tiêu dùng có tình hình như sau:

- **SĐĐK của tài khoản 155: 16.200.000, số lượng 5.000 SP A**
- **Tình hình nhập, xuất kho thành phẩm trong tháng:**
 1. **Tổng hợp tình hình nhập kho từ sản xuất gồm 15.000 spA với Zsx thực tế 3.350 đ/spA.**
 2. **Tổng hợp các hoá đơn bán hàng trong tháng gồm: Xuất bán trực tiếp tại kho của công ty: 2.500 sản phẩm; xuất gửi cho đại lý: 3.000 sản phẩm.**
 3. **Tổng hợp các phiếu xuất kho thành phẩm để biếu tặng cho các đơn vị tham dự hội nghị CNV chức của công ty: 300 sản phẩm.**
- **Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh**

2. Kế toán tiêu thụ thành phẩm - hàng hoá

2.1 Một số khái niệm

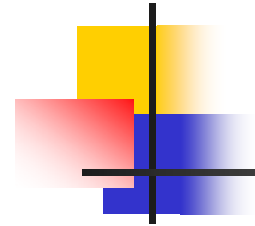
(1) Tiêu thụ

- Việc cung cấp sản phẩm hàng hoá cho khách hàng
- Và đã được khách hàng trả tiền hay chấp nhận trả tiền

(2) Doanh thu bán hàng:

- Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế thu được khi tiêu thụ sản phẩm
- Phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp

Ví dụ về thời điểm xác định doanh thu



Trong tháng 6/2001, công ty may mặc A&T sản xuất xong một lô hàng quần áo trị giá 20 triệu đồng và đem nhập kho chờ bán.

1. Ngày 15/7/2001, công ty ký hợp đồng số 43/HĐ, bán lô hàng quần áo trên cho cửa hàng thời trang TT theo giá thỏa thuận là 26 triệu.

2. Ngày 6/8/2001, lô hàng được giao cho cửa hàng TT, cửa hàng đồng ý mua nhưng nợ lại với thời hạn là 1 tháng.

3. Ngày 6/9/2001, công ty A&T nhận được “Giấy báo có” của ngân hàng ACB – nơi công ty mở tài khoản để giao dịch, số tiền 26 triệu đồng với nội dung “Cửa hàng TT” thanh toán tiền hàng theo hợp đồng số 43/HĐ”.

Yêu cầu: Xác định thời điểm ghi nhận DT của công ty A&T

Thời điểm ghi nhận doanh thu:

- **Doanh nghiệp đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá,**
- **Hoặc hoàn thành công việc theo hợp đồng**
- **Được khách hàng chấp nhận thanh toán không phụ thuộc là đã thu tiền hay chưa thu tiền**



Doanh thu khác với thu:

- Thu tiền nợ từ khách hàng: không phải DT
 - Tăng tiền mặt
 - Giảm khoản phải thu
 - Không tăng vốn CSH
- Thu tiền phát hành cổ phần: không phải DT
 - Tăng tiền mặt và tăng vốn CSH
 - Không phải kết quả giao dịch với khách hàng

“ Khi có nghi ngờ, quay lại xem định nghĩa!!!”



2.2 Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng (2 mẫu)
- Bảng kê hàng gửi bán đã tiêu thụ
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo Ngân hàng...

Mẫu biểu hoá đơn

PHIẾU THU

Ngày Tháng Năm

TK Nợ :

TK Có :

Họ tên người nộp tiền :

Địa chỉ :

Lý do :

Số tiền viết bằng số : Đồng

Số tiền viết bằng chữ :

Số lượng chứng từ gốc kèm theo : Chứng từ

Người nộp

Thủ quỹ

Kế toán trưởng

Giám Đốc

2.3 Nội dung Kế toán tiêu thụ

2.3.1 Kế toán doanh thu bán hàng

a) Tài khoản sử dụng

- 511 “DTBH & cung cấp dịch vụ”
- 632 “Giá vốn hàng bán”
- 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước



b) Nguyên tắc ghi chép

TK 632 “Giá vốn hàng bán”

Không có SDCK

b) Nguyên tắc ghi chép (tt)

TK 511 “Doanh thu bán hàng”

Không có SDCK

b) Nguyên tắc ghi chép (tt)

TK 3331 “Thuế GTGT phải nộp”

SDĐK

**SDCK: Số thuế GTGT
còn phải nộp cuối kỳ**

d) Trình tự hạch toán

(1) Trong tháng khi xuất kho sản phẩm để bán :

Nợ 632 – Giá vốn sản phẩm xuất bán

Có 155 – Xuất bán sản phẩm

Có 156 – Xuất bán hàng hóa

- Đồng thời phản ánh doanh thu BH và thuế VAT phải nộp

Nợ 111, 112, 131 “Tổng giá thanh toán”

Có 511 “Giá bán chưa thuế”

Có 3331 “Thuế VAT phải nộp”

d) Trình tự hạch toán (tt)

(2) Đối với hàng hóa, Cuối kỳ khi tiến hành phân bổ chi phí mua hàng cho hàng đã bán trong kỳ (Xác định theo CT trên), kế toán kết chuyển để xác định giá vốn hàng bán:

- Nợ TK 632 “Giá vốn hàng bán”
 - Có 1562

(3) Trường hợp phát hiện thừa thiếu, thành phẩm-hàng hóa khi kiểm kê chưa xác định được nguyên nhân, căn cứ vào biên bản kiểm kê, ghi:

- **Nếu thiếu chưa xác định được nguyên nhân**
 - **Nợ 1381 – Giá trị tài sản thiếu chờ xử lý**
 - **Có 155,156,157–Thành phẩm,hàng hóa,hàng gửi đi bán**
 - **Nếu thừa chưa xác định được nguyên nhân**
 - **Nợ 155,156,157–Thành phẩm,hàng hóa,hàng gửi bán**
 - **Có 3381 – Giá trị tài sản thừa chờ xử lý**
- **Khi có quyết định của cấp có thẩm quyền, căn cứ vào biên bản xử lý kế toán sẽ ghi sổ cho phù hợp.**

Ví dụ 1

- a) Xuất 100sp, đơn giá 500.000đ/sản phẩm gửi bán cho công ty A, giá bán chưa thuế 600.000đ, thuế GTGT 10%, sau đó công ty A báo nhận đủ hàng và chấp nhận thanh toán. Định khoản nghiệp vụ kinh tế trên
- b) Giả sử công ty A nhận được hàng nhưng chỉ chấp nhận thanh toán 50sp, 50sp không đúng phẩm chất trả về. Doanh nghiệp đồng ý và nhập lại kho hàng bị trả lại.
- Yêu cầu: Định khoản nghiệp vụ kinh tế trên.

3. Kế toán các khoản làm giảm doanh thu

3.1 Khái niệm

- **Giảm giá hàng bán**
 - Là số tiền người bán giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thoả thuận
 - Do hàng bán kém phẩm chất, lạc hậu thị hiếu, hoặc sai quy cách và thời hạn đã quy định trong hợp đồng.
- **Chiết khấu thương mại:**
 - Là khoản tiền mà người mua hàng được hưởng
 - Điều kiện là mua hàng với số lượng lớn
- **Giá trị hàng bán bị trả lại:**
 - Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.



3.2 Tài khoản sử dụng

- 521 “chiết khấu thương mại”
- 531 “hàng bán bị trả lại”
- 532 “giảm giá hàng bán”.

3.3 Nguyên tắc ghi chép

- **Bên Nợ:** Khoản Hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu TM phát sinh trong kỳ
- **Bên Có:** Kết chuyển để giảm DT
- **Số dư:** Không có số dư cuối kỳ

531,532,521

-Giá trị hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu TM phát sinh trong kỳ

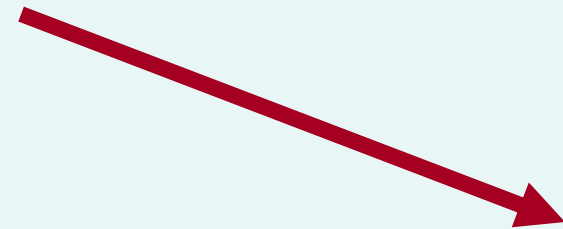
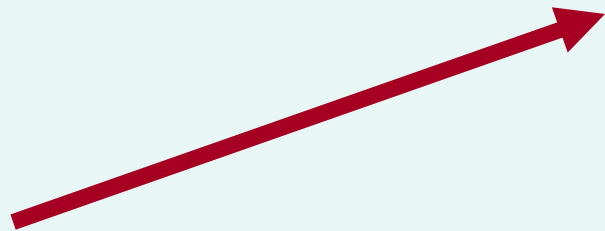
- K/c Giá trị hàng bán bị trả lại , giảm giá hàng bán, chiết khấu TM vào DT

3.3 Nguyên tắc ghi chép

TK 531 “Hàng bán bị trả lại”

TK 532 “Giảm giá hàng bán”

TK 521 “Chiết khấu thương mại”



Không có SDCK